



CÔNG TY CỔ PHẦN
DU LỊCH CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 16

/CTCPDLCT

Cần Thơ, ngày 01 tháng 02 năm 2016

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội

Tên tổ chức : Công Ty Cổ Phần Du Lịch Cần Thơ
Mã chứng khoán : DLC
Trụ sở chính : 50 Hai Bà Trưng, P. Tân An, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
Điện thoại : (0710) 3 821854 Fax: (0710) 3 810956
Người thực hiện công bố thông tin: **Trần Hà Giang**
Địa chỉ: 266 Ấp Kinh Giữa, xã Kế Thành, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng
Điện thoại (cơ quan): 07103 821854 Fax: 07103 810956

Nội dung thông tin công bố:

Báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người CBTT
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

Trần Hà Giang



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH CẦN THƠ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015
(đã được kiểm toán)

A member of **HLB** International

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-40
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11-40



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch Cần Thơ (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Du lịch Cần Thơ được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 1800155131 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp lần đầu ngày 08 tháng 05 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 29 tháng 01 năm 2015.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 50 Hai Bà Trưng, Phường Tân An, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vu Chuấn Hùng	Chủ tịch	
Ông Ngô Diệu Hưng	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 31/03/2015
Bà Du Kim Lăng	Thành viên	
Ông Huỳnh Văn Thiện	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27/03/2015
Ông Cô Gia Thọ	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 31/03/2015
Ông Tạ Hoàng Sơn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30/11/2015
Ông Nguyễn Ngọc Vũ Chương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30/06/2015
		Miễn nhiệm ngày 29/10/2015
Bà Phan Thị Thanh Hương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30/06/2015
Ông Huỳnh Thiện Nhân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30/06/2015
Ông Phạm Hồng Sơn	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27/03/2015
Bà Trang Ngọc Huỳnh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 30/06/2015
Ông Nguyễn Hạnh Bảo Phúc	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 30/06/2015
Ông Thang Quốc Cường	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 30/06/2015

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vu Chuấn Hùng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 30/06/2015
Ông Vu Chuấn Hùng	Quyền Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 21/01/2015
Ông Phạm Hồng Sơn	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 21/01/2015
Ông Nguyễn Đức Huy	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 07/05/2015
Ông Tạ Hoàng Sơn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 12/11/2015
Ông Lâm Thân	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 12/11/2015
Ông Thi Xương Tín	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 21/01/2015
		Miễn nhiệm ngày 12/11/2015
Ông Nguyễn Văn Đến	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 21/01/2015
		Miễn nhiệm ngày 12/11/2015

Jue

Công ty Cổ phần Du lịch Cần Thơ

Số 50 Hai Bà Trưng, Phường Tân An, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Đoàn Đặng Quý An	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 01/11/2015
Bà Tạ Thị Thục	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Bích Nga	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30/06/2015
Ông Ngô Lê Quang Tín	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 30/06/2015

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Cần Thơ, ngày 10 tháng 01 năm 2016

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Vưu Chấn Hùng

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Du lịch Cần Thơ

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Du lịch Cần Thơ được lập ngày 10 tháng 01 năm 2016, từ trang 06 đến trang 40, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Du lịch Cần Thơ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Du lịch Cần Thơ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 26 tháng 03 năm 2015.

TP Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 01 năm 2016

Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Giám đốc



Bùi Văn Thảo

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0522-13-002-1

Kiểm toán viên

Trần Trung Hiếu

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2202-2013-002-1

11/01/2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		9.704.106.284	9.701.458.441
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	2.735.540.316	2.165.761.720
111	1. Tiền		2.735.540.316	2.165.761.720
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		5.661.602.464	6.205.654.360
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	2.397.125.900	2.845.508.929
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		2.706.377.085	2.337.626.433
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	5	515.767.281	757.105.082
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(45.372.300)	(244.574.173)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý	6	87.704.498	509.988.089
140	IV. Hàng tồn kho	8	717.395.101	568.477.608
141	1. Hàng tồn kho		717.395.101	568.477.608
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		589.568.403	761.564.753
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	589.568.403	699.671.775
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	-	61.892.978
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		68.728.374.856	71.618.977.011
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		2.024.160.000	722.020.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	5	2.024.160.000	722.020.000
220	II. Tài sản cố định		57.819.405.345	61.517.934.686
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	49.295.113.524	52.230.930.430
222	- Nguyên giá		93.017.347.049	91.520.289.148
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(43.722.233.525)	(39.289.358.718)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	8.524.291.821	9.287.004.256
228	- Nguyên giá		8.524.291.821	9.441.856.556
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	(154.852.300)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	12	1.855.140.479	1.621.281.956
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		1.855.140.479	1.621.281.956
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	13	5.285.098.108	5.285.098.108
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		5.262.788.108	5.262.788.108
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		22.310.000	22.310.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.744.570.924	2.472.642.261
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	1.488.779.069	2.472.642.261
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	31.a	255.791.855	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		78.432.481.140	81.320.435.452

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		24.173.188.012	35.887.534.947
310	I. Nợ ngắn hạn		11.920.323.700	10.334.680.885
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	1.894.744.574	1.339.287.375
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		716.653.500	478.927.634
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	2.614.467.700	1.210.143.863
314	4. Phải trả người lao động		1.928.576.164	1.720.759.112
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	144.500.000	275.470.296
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		5.073.847	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	17	649.258.732	411.285.422
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	3.959.680.000	4.891.438.000
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		7.369.183	7.369.183
330	II. Nợ dài hạn		12.252.864.312	25.552.854.062
337	1. Phải trả dài hạn khác	17	574.000.000	11.077.000.000
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	18	10.516.174.062	14.475.854.062
342	3. Dự phòng phải trả dài hạn	19	1.162.690.250	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		54.259.293.128	45.432.900.505
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	54.259.293.128	45.432.900.505
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		47.800.800.000	47.800.800.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		47.800.800.000	47.800.800.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		193.687.500	193.687.500
415	3. Cổ phiếu quỹ		(894.062.500)	(894.062.500)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		3.717.903.306	3.717.903.306
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		3.440.964.822	(5.385.427.801)
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối kỳ trước		(5.385.427.801)	(8.684.083.990)
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		8.826.392.623	3.298.656.189
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		78.432.481.140	81.320.435.452

Người lập

Kế toán trưởng

Cần Thơ, ngày 10 tháng 01 năm 2016

Tổng Giám đốc

Ngô Ngọc Liên

Trần Hà Giang



Vưu Chấn Hùng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2015

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	84.948.147.245	86.944.377.396
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23	14.249.704	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		84.933.897.541	86.944.377.396
11	4. Giá vốn hàng bán	24	67.434.669.754	73.388.868.274
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		17.499.227.787	13.555.509.122
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	353.632.827	427.936.761
22	7. Chi phí tài chính	26	2.046.010.521	3.671.724.724
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		1.778.467.021	3.403.954.624
24	8. Chi phí bán hàng		-	-
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	7.358.969.261	7.186.955.768
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		8.447.880.832	3.124.765.391
31	11. Thu nhập khác	28	2.556.339.978	578.947.542
32	12. Chi phí khác	29	713.999.333	107.947.244
40	13. Lợi nhuận khác		1.842.340.645	471.000.298
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		10.290.221.477	3.595.765.689
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	1.419.809.628	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	31	(255.791.855)	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		9.126.203.704	3.595.765.689
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	32	1.932	761
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	33	1.181	761

Người lập

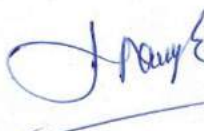
Kế toán trưởng

Cần Thơ, ngày 10 tháng 01 năm 2016

Tổng Giám đốc



Ngô Ngọc Liên



Trần Hà Giang



Vưu Chấn Hùng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2015

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		10.290.221.477	3.595.765.689
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		5.293.135.427	4.939.943.331
03	- Các khoản dự phòng		1.175.722.000	19.994.697
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(2.878.367)	(149.226)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.574.306.797)	(741.534.849)
06	- Chi phí lãi vay		1.778.467.021	3.403.954.624
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		16.960.360.761	11.217.974.266
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(1.449.195.300)	(1.102.045.689)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(148.917.493)	(210.013.928)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(9.317.692.779)	(2.964.378.482)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		1.093.966.564	3.103.105.330
14	- Tiền lãi vay đã trả		(1.804.290.077)	(3.572.682.348)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		366.624.609	1.034.000.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(710.863.907)	(1.156.395.951)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		4.989.992.378	6.349.563.198
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(1.828.464.609)	(91.808.856)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		1.948.196.000	1.578.607.362
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		350.754.460	380.250.000
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		470.485.851	1.867.048.506
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		3.000.000.000	25.132.451.480
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(7.891.438.000)	(32.534.221.480)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(7.590.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(4.891.438.000)	(7.409.360.000)



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2015

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		569.040.229	807.251.704
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		2.165.761.720	1.358.950.790
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		738.367	(440.774)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>2.735.540.316</u>	<u>2.165.761.720</u>

Người lập

Kế toán trưởng

Cần Thơ, ngày 10 tháng 01 năm 2016

Tổng Giám đốc







Ngô Ngọc Liên

Trần Hà Giang

Vưu Chấn Hùng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Du lịch Cần Thơ được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 1800155131 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp lần đầu ngày 08 tháng 05 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 29 tháng 01 năm 2015.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 50 Hai Bà Trưng, Phường Tân An, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 50.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 47.800.800.000 đồng; tương đương 4.780.080 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh thương mại, dịch vụ.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, khu du lịch, hoạt động vui chơi, giải trí, massage, karaoke;
- Du lịch lữ hành nội địa, quốc tế;
- Vận chuyển khách du lịch đường bộ, đường thủy;
- Vận chuyển khách theo tuyến cố định, taxi, du thuyền;
- Khai thác bến tàu du lịch;
- Tổ chức hội nghị, hội thảo, sự kiện, lễ hội, bán vé máy bay, tàu hỏa, tàu cao tốc;
- Dịch vụ hướng dẫn viên, phiên dịch, tư vấn và tổ chức đưa học sinh du học, thu đổi ngoại tệ, tư vấn xuất nhập cảnh, các dịch vụ kinh doanh trên mạng, cung ứng dịch vụ trên mạng internet;
- Dịch vụ cho thuê văn phòng, trưng bày hàng hóa, giao dịch;
- Thương mại bách hóa, làm đại lý, nhà phân phối hàng tiêu dùng, hóa chất, dược phẩm, điện, điện tử;
- Nhập khẩu các hàng hóa vật tư, thiết bị, máy móc cho hoạt động du lịch và tiêu dùng;
- Xuất khẩu hàng thủ công mỹ nghệ, nông thủy sản;
- Thi công xây lắp các công trình thuộc ngành du lịch, công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông;
- San lấp mặt bằng;
- Mua bán vật tư, vật liệu xây dựng;
- Ươm trồng, kinh doanh các loại cây kiểng;
- Nuôi trồng, kinh doanh các loại thủy sản, thức ăn thủy sản;
- Kinh doanh hàng thực phẩm chế biến, thực phẩm chức năng, hàng thủ công mỹ nghệ, rượu và thuốc lá các loại (phải có giấy phép theo quy định), bia, nước giải khát, máy móc thiết bị, phụ tùng máy móc, trang thiết bị điện, điện tử, công nghệ thông tin, văn phòng phẩm, hương liệu công nghiệp và thực phẩm, mỹ phẩm, quần áo thời trang, dụng cụ thể dục thể thao;
- Kinh doanh vật tư, vật dụng, trang thiết bị cho nhà hàng, khách sạn, hoạt động du lịch lữ hành, hàng trang trí nội thất, xăng dầu, phân bón;
- Dịch vụ cho thuê sân bóng, sân tennis, bowling, thể thao dưới nước, bể bơi, kho bãi, nhà có trang bị chuyên biệt cho phòng hòa nhạc, hội trường, chiếu phim;
- Tổ chức ca nhạc, hòa nhạc, biểu diễn nghệ thuật, trò chơi dân gian;
- Dịch vụ thẩm mỹ và chăm sóc sức khỏe (hoạt động phải thực hiện đúng theo quy định của pháp luật).

Handwritten signature

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Khách sạn Hậu Giang	Số 34 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Tân An, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ	Kinh doanh khách sạn
Khách sạn Hậu Giang 2	Số 6-8 Hải Thượng Lãn Ông, Phường Tân An, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ	Kinh doanh khách sạn
Khách sạn Tây Hồ	Số 42 Hai Bà Trưng, Phường Tân An, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ	Kinh doanh khách sạn
Khách sạn Hoa Phượng	Số 12-14-16 Trần Phú, Phường Cái Khế, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ	Kinh doanh khách sạn
Nhà hàng Hoa Sứ	Khu du lịch Cái Khế, Phường Cái Khế, Quận Ninh Kiều, Thành Phố Cần Thơ	Kinh doanh nhà hàng
Du thuyền Cần Thơ	Bến Ninh Kiều, Phường Tân An, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ	Kinh doanh nhà hàng
Trung tâm Điều hành Du lịch	Số 50 Hai Bà Trưng, Phường Tân An, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ	Kinh doanh tour du lịch, vận chuyển hành khách, đại lý vé máy bay....

Thông tin về các công ty liên doanh của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 13.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, và có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Juc

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC được áp dụng phi hồi tố. Công ty đã bổ sung thuyết minh thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC, tại Thuyết minh số 43.

2.4 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.*

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn hoặc nhận góp vốn: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Handwritten signature

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.7 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên doanh: Căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty liên doanh tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: Việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009.

2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 40	năm
- Máy móc, thiết bị	04 - 08	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 07	năm
- Quyền sử dụng đất lâu dài	Không trích khấu hao	

2.12 . Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập.

Theo các điều khoản thỏa thuận tại BCC, Công ty được nhận khoản lợi nhuận cố định hàng năm, không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của hợp đồng và ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản từ BCC đối với khoản được chia.

2.13 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.14 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.15 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

2.16 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

2.17 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí hội nghị, các chi phí hoạt động, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

Handwritten signature

2.18 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm tài chính.

2.19 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu nhận trước liên quan đến hoạt động đại lý vé máy bay.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

2.20 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.21 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.22 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm: giảm giá hàng bán.

Các khoản giảm giá hàng bán phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.23 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.24 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.25 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

2.26 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	81.108.646	245.629.141
Tiền gửi ngân hàng	2.654.431.670	1.920.132.579
	<u>2.735.540.316</u>	<u>2.165.761.720</u>

4 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Miền Nam	789.000.000	764.000.000
- Công ty TNHH MTV Thương mại Du lịch Huy Ngọc	-	223.500.000
- Các khoản phải thu khách hàng khác	1.608.125.900	1.858.008.929
	<u>2.397.125.900</u>	<u>2.845.508.929</u>
b) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán		
- Các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn	2.397.125.900	2.845.508.929
	<u>2.397.125.900</u>	<u>2.845.508.929</u>

Công ty Cổ phần Du lịch Cần Thơ

Số 50 Hai Bà Trưng, Phường Tân An, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ

Báo cáo tài chính

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

5 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
- Phải thu về bảo hiểm xã hội	91.614.393	-	50.602.909	-
- Tạm ứng	243.140.706	-	388.402.079	-
- Ký cược, ký quỹ	100.000.000	-	100.480.000	-
- Phải thu Công ty TNHH Quảng cáo Miền Đất Vỡ	-	-	63.647.182	63.647.182
- Phải thu khác	81.012.182	-	153.972.912	70.128.409
	515.767.281	-	757.105.082	133.775.591
b) Dài hạn				
- Ký cược, ký quỹ	2.024.160.000	-	722.020.000	-
	2.024.160.000	-	722.020.000	-

Phuoc

6 . TÀI SẢN THIỂU CHỜ XỬ LÝ

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tài sản cố định	32.381.930	380.232.277
Tài sản khác	55.322.568	129.755.812
	87.704.498	509.988.089

7 . NỢ XẤU

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	62.770.500	17.398.200	284.544.123	39.969.950
- Công ty TNHH Quảng cáo Miền Đất Vỡ	-	-	63.647.182	-
- Du lịch 24h	39.176.000	11.752.800	39.176.000	19.588.000
- Các khoản khác	23.594.500	5.645.400	181.720.941	20.381.950
	62.770.500	17.398.200	284.544.123	39.969.950

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	148.191.183	-	157.540.328	-
Công cụ, dụng cụ	169.356.883	-	73.521.078	-
Hàng hoá	399.847.035	-	337.416.202	-
	717.395.101	-	568.477.608	-

9 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	400.439.150	671.666.372
Chi phí sửa chữa tài sản chờ phân bổ	153.022.394	28.005.403
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	36.106.859	-
	589.568.403	699.671.775
b) Dài hạn		
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	836.132.179	1.850.387.866
Chi phí trợ cấp thôi việc	-	377.183.572
Chi phí sửa chữa tài sản chờ phân bổ	623.416.566	245.070.823
Chi phí trả trước dài hạn khác	29.230.324	-
	1.488.779.069	2.472.642.261

Công ty Cổ phần Du lịch Cần Thơ

Số 50 Hai Bà Trưng, Phường Tân An, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ

Báo cáo tài chính

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	75.328.233.127	8.758.684.408	4.510.298.936	2.923.072.677		91.520.289.148
- Mua trong năm	111.616.000	792.525.845	-	-		904.141.845
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	690.464.241	-	-	-		690.464.241
- Tăng do phân loại lại từ TSCĐ vô hình	762.712.435	-	-	-		762.712.435
- Giảm khác (*)	-	(805.709.413)	(54.551.207)	-		(860.260.620)
Số dư cuối năm	76.893.025.803	8.745.500.840	4.455.747.729	2.923.072.677		93.017.347.049
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	29.250.700.860	6.022.070.492	3.181.725.160	834.862.206		39.289.358.718
- Khấu hao trong năm	3.736.068.370	746.223.396	386.028.013	424.815.648		5.293.135.427
- Giảm khác (*)	-	(805.709.413)	(54.551.207)	-		(860.260.620)
Số dư cuối năm	32.986.769.230	5.962.584.475	3.513.201.966	1.259.677.854		43.722.233.525
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	46.077.532.267	2.736.613.916	1.328.573.776	2.088.210.471		52.230.930.430
Tại ngày cuối năm	43.906.256.573	2.782.916.365	942.545.763	1.663.394.823		49.295.113.524

(*) Điều chỉnh giảm tài sản do không đủ tiêu chuẩn ghi nhận tài sản cố định hữu hình.

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 28.794.824.603 đồng
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 21.602.779.144 đồng

Handwritten signature

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	9.287.004.256	154.852.300	9.441.856.556
- <i>Phân loại lại sang TSCĐ hữu hình</i>	(762.712.435)	-	(762.712.435)
- <i>Giảm khác (*)</i>	-	(154.852.300)	(154.852.300)
Số dư cuối năm	8.524.291.821	-	8.524.291.821
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	154.852.300	154.852.300
- <i>Giảm khác (*)</i>	-	(154.852.300)	(154.852.300)
Số dư cuối năm	-	-	-
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	9.287.004.256	-	9.287.004.256
Tại ngày cuối năm	8.524.291.821	-	8.524.291.821

(*) Điều chỉnh giảm tài sản do không đủ tiêu chuẩn ghi nhận tài sản cố định vô hình.

Quyền sử dụng đất tại ngày 31/12/2015 là Quyền sử dụng đất tại số 02, 03, 05 Đường Trần Quốc Toàn, Phường Tân An, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ. Mục đích sử dụng: xây dựng khách sạn để triển khai các hợp đồng hợp tác kinh doanh.

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 8.524.291.821 đồng.

12 . TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	1.855.140.479	1.621.281.956
- Khu du lịch Hoa Sứ (*)	1.396.793.094	1.396.793.094
- Các công trình khác	458.347.385	224.488.862
	1.855.140.479	1.621.281.956

(*) Đến thời điểm cuối năm 2015, Công ty mới thống nhất được giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân ảnh hưởng trên diện tích đất thực hiện dự án (xem chi tiết tại Thuyết minh số 39).

13 . ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Đầu tư vào Công ty liên doanh	5.262.788.108	5.262.788.108
- Công ty TNHH Du lịch Thương mại Sài Gòn - Cần Thơ	5.262.788.108	5.262.788.108
Đầu tư vào đơn vị khác	22.310.000	22.310.000
- Công ty Cổ phần Thương mại Sabeco Sông Hậu	22.310.000	22.310.000
	5.285.098.108	5.285.098.108

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh của Công ty vào ngày 31/12/2015 như sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty TNHH Du lịch Thương mại Sài Gòn - Cần Thơ (*)	Tỉnh Cần Thơ	50,00%	50,00%	Kinh doanh khách sạn

(*) Theo Hợp đồng liên doanh nâng cấp cải tạo Khách sạn Việt Hồng ngày 22/07/1994 giữa Công ty Du lịch Cần Thơ (nay là Công ty Cổ phần Du lịch Cần Thơ - tỷ lệ góp vốn 50%) và Công ty Du lịch Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - tỷ lệ góp vốn là 50%) thống nhất thành lập công ty liên doanh là Công ty Liên doanh Saigon Cần Thơ - Tourist (nay là Công ty TNHH Du lịch Thương mại Sài Gòn - Cần Thơ). Theo đó, các bên tham gia hợp đồng liên doanh thỏa thuận mỗi bên cử 2 người tham gia Hội đồng thành viên để cùng đồng kiểm soát đối với liên doanh này.

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty liên doanh trong năm: Xem Thuyết minh 42.

006
ANH
TNH
A TC
C
CV

Handwritten signature

Công ty Cổ phần Du lịch Cần Thơ

Số 50 Hai Bà Trưng, Phường Tân An, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ

Báo cáo tài chính

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Tổng Công ty Hàng không Việt Nam Airlines	311.939.777	311.939.777	425.956.641	425.956.641
- Chi nhánh Công ty TNHH Metro cash & carry VN tại Cần Thơ	218.194.946	218.194.946	37.480.555	37.480.555
- Phải trả các đối tượng khác	1.364.609.851	1.364.609.851	875.850.179	875.850.179
	<u>1.894.744.574</u>	<u>1.894.744.574</u>	<u>1.339.287.375</u>	<u>1.339.287.375</u>
b) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán				
- Phải trả người bán ngắn hạn	1.894.744.574	1.894.744.574	1.339.287.375	1.339.287.375
	<u>1.894.744.574</u>	<u>1.894.744.574</u>	<u>1.339.287.375</u>	<u>1.339.287.375</u>

ĐVC

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải trả đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	522.390.028	5.793.158.668	5.745.413.726	-	570.134.970
Thuế thu nhập doanh nghiệp	61.892.978	-	1.419.809.628	-	-	1.357.916.650
Thuế thu nhập cá nhân	-	7.188.359	43.602.960	44.940.715	-	5.850.604
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	680.565.476	2.217.637.557	2.217.637.557	-	680.565.476
Các loại thuế khác	-	-	94.640.060	94.640.060	-	-
	61.892.978	1.210.143.863	9.568.848.873	8.102.632.058	-	2.614.467.700

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Handwritten signature

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Chi phí lãi vay	-	25.823.056
Chi phí lãi liên doanh	-	43.847.240
Chi phí tư vấn phát hành cổ phiếu	-	31.800.000
Chi phí hội nghị khách hàng	100.000.000	85.000.000
Chi phí phải trả khác	44.500.000	89.000.000
	144.500.000	275.470.296

17 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	36.490.190	32.499.600
- Bảo hiểm y tế	13.750.660	8.800.823
- Bảo hiểm thất nghiệp	434.239	143.020
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	405.500.000	161.500.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	85.998.382	85.998.382
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	107.085.261	122.343.597
	649.258.732	411.285.422
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	574.000.000	11.077.000.000
	574.000.000	11.077.000.000

Công ty Cổ phần Du lịch Cần Thơ

Số 50 Hai Bà Trưng, Phường Tân An, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ

Báo cáo tài chính

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

18 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2015		Trong năm		31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
- Vay ngắn hạn Bà Phan Thị Thanh Hương	-	-	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-
- Vay và nợ dài hạn đến hạn trả Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam- Chi nhánh Cần Thơ	4.891.438.000	4.891.438.000	3.959.680.000	4.891.438.000	3.959.680.000	3.959.680.000
	4.891.438.000	4.891.438.000	3.959.680.000	4.891.438.000	3.959.680.000	3.959.680.000
	<u>4.891.438.000</u>	<u>4.891.438.000</u>	<u>6.959.680.000</u>	<u>7.891.438.000</u>	<u>3.959.680.000</u>	<u>3.959.680.000</u>
b) Vay dài hạn						
- Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam- Chi nhánh Cần Thơ	19.367.292.062	19.367.292.062	-	4.891.438.000	14.475.854.062	14.475.854.062
	<u>19.367.292.062</u>	<u>19.367.292.062</u>	<u>-</u>	<u>4.891.438.000</u>	<u>14.475.854.062</u>	<u>14.475.854.062</u>
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(4.891.438.000)	(4.891.438.000)			(3.959.680.000)	(3.959.680.000)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	<u>14.475.854.062</u>	<u>14.475.854.062</u>			<u>10.516.174.062</u>	<u>10.516.174.062</u>

the

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

Hợp đồng tín dụng số 109/2014-HĐTDDA/NHCT820-DULICHCANTHO ngày 22 tháng 10 năm 2014, với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 20.663.670.062 đồng;
- Mục đích vay: Thanh toán nợ gốc của các khoản vay tại các Ngân hàng khác (mục đích vay tại các ngân hàng khác: Bổ sung vốn đầu tư xây dựng, cải tạo, mở rộng khách sạn Hậu Giang, khách sạn Hào Hoa và hoàn vốn đầu tư dự án khối nhà dịch vụ khách sạn 5 sao);
- Thời hạn của hợp đồng: Tối đa đến ngày 06/02/2020;
- Lãi suất cho vay: 8%/năm (cộng biên độ 2%/năm);
- Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thẻ chấp tài sản bao gồm:
 - + Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 109D/2014-HĐTC/NHCT820.PD ngày 22/10/2014;
 - + Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại số 02 Trần Quốc Toàn, Phường Tân An, Quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN811934;
 - + Quyền sở hữu và quyền sử dụng đất tại số 03, 05 đường Trần Quốc Toàn, Phường Tân An, Quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ;
 - + Công trình xây dựng trên đất Khách sạn Hậu Giang tại số 34 Nam Kỳ Khởi Nghĩa Phường Tân An, Quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ;
 - + Công trình xây dựng Khách sạn Hậu Giang 2 (Khách sạn Hào Hoa) số 06, 08 Đường Hải Thượng Lãn Ông, Phường Tân An, Quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ.
 - + Công trình xây dựng Khách sạn Hoa Phượng số 12, 14, 16 đường Trần Phú, Phường Cái Khế, Quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ.
- Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 14.475.854.062 đồng; số dư nợ gốc phải trả trong năm tới là 3.959.680.000 đồng.

19 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Dự phòng phải trả dài hạn là khoản dự phòng chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động căn cứ theo thời gian làm việc của người lao động đến hết ngày 31/12/2008 và tính theo quy định của Thông tư số 39/2009/TT-BLĐTBXH ngày 18/11/2009.

Handwritten signature

Công ty Cổ phần Du lịch Cần Thơ

Số 50 Hai Bà Trưng, Phường Tân An, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	47.800.800.000	193.687.500		(894.062.500)	3.717.903.306	(8.684.083.990)		42.134.244.316
Lãi trong năm trước	-	-		-	-	3.595.765.689		3.595.765.689
Chi thù lao HĐQT	-	-		-	-	(249.000.000)		(249.000.000)
Giám khác	-	-		-	-	(48.109.500)		(48.109.500)
Số dư cuối năm trước	47.800.800.000	193.687.500		(894.062.500)	3.717.903.306	(5.385.427.801)		45.432.900.505
Lãi trong năm nay	-	-		-	-	9.126.203.704		9.126.203.704
Chi thù lao HĐQT	-	-		-	-	(250.500.000)		(250.500.000)
Giám khác	-	-		-	-	(49.311.081)		(49.311.081)
Số dư cuối năm nay	47.800.800.000	193.687.500		(894.062.500)	3.717.903.306	3.440.964.822		54.259.293.128

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2015		01/01/2015		Tỷ lệ (%)
	VND	VND	VND	VND	
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước	-	-	20.000.000.000	-	41,84
Ông Vũ Tiến Thuận	10.000.000.000	-	-	-	-
Ông Nguyễn Đức Thuận	10.000.000.000	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Vietland Capital	9.933.900.000	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thiên Long An Thịnh	6.302.400.000	-	-	-	-
Ông Huỳnh Văn Thiện	6.580.040.000	-	-	-	-
Ông Phạm Hồng Sơn	-	5.262.000.000	-	-	-
Cổ phiếu quỹ	553.750.000	553.750.000	-	-	11,01
Các cổ đông khác	4.430.710.000	21.985.050.000	-	-	1,16
					45,99
	47.800.800.000	100,00	47.800.800.000	100,00	100,00

Handwritten signature

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	47.800.800.000	47.800.800.000
- Vốn góp cuối năm	47.800.800.000	47.800.800.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.780.080	4.780.080
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.780.080	4.780.080
- Cổ phiếu phổ thông	4.780.080	4.780.080
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	55.375	55.375
- Cổ phiếu phổ thông	55.375	55.375
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.724.705	4.724.705
- Cổ phiếu phổ thông	4.724.705	4.724.705
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phần		

e) Các quỹ công ty

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	3.717.903.306	3.717.903.306
	3.717.903.306	3.717.903.306

21 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	31/12/2015	01/01/2015
USD	1.012,08	1.025,52
EUR	230,63	241,55

22 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Doanh thu kinh doanh nhà hàng	54.007.183.658	57.191.367.928
Doanh thu cho thuê phòng khách sạn	12.219.041.003	11.662.913.361
Doanh thu dịch vụ vận chuyển	2.271.257.825	2.340.765.810
Doanh thu dịch vụ tour	5.201.800.404	4.509.426.481
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	11.248.864.355	11.239.902.816
	84.948.147.245	86.944.377.396

23 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	14.249.704	-
	14.249.704	-

Handwritten signature

24 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Giá vốn kinh doanh nhà hàng	45.143.385.747	51.114.530.567
Giá vốn cho thuê phòng khách sạn	10.611.790.436	11.939.633.731
Giá vốn dịch vụ vận chuyển	2.156.345.659	2.184.991.847
Giá vốn dịch vụ tour	4.972.452.367	4.376.054.106
Giá vốn cung cấp dịch vụ khác	4.550.695.545	3.773.658.023
	67.434.669.754	73.388.868.274

25 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi	52.184.860	62.787.535
Cổ tức, lợi nhuận được chia	298.569.600	365.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.878.367	149.226
	353.632.827	427.936.761

26 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.778.467.021	3.403.954.624
Chi phí liên doanh	267.543.500	267.543.500
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	226.600
	2.046.010.521	3.671.724.724

27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	765.818.014	861.303.167
Chi phí nhân công	3.259.023.606	3.553.333.860
Chi phí khấu hao tài sản cố định	490.298.106	511.282.936
Thuế, phí và lệ phí	361.623.558	378.537.984
Chi phí dự phòng	13.031.750	19.994.697
Chi phí dịch vụ mua ngoài	249.728.181	419.985.790
Chi phí khác bằng tiền	2.219.446.046	1.442.547.334
	7.358.969.261	7.186.955.768

Angie

28 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	361.234.849
Thu nhập từ bồi thường tài sản trên đất	1.948.196.000	-
Thu nhập từ nhận hỗ trợ, tài trợ	356.394.196	160.942.000
Thu nhập khác	251.749.782	56.720.693
	2.556.339.978	578.947.542

29 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Giá trị còn lại của tài sản trên đất được bồi thường	457.100.163	-
Chi phí tiền điện chi hộ	-	93.627.436
Giá trị hao mòn tài sản không sử dụng	207.434.664	-
Chi phí khác	49.464.506	14.319.808
	713.999.333	107.947.244

30 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.290.221.477	3.595.765.689
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.853.657.554	313.295.039
- Các khoản điều chỉnh giảm	(298.569.600)	(365.149.226)
Thu nhập tính thuế TNDN	11.845.309.431	3.543.911.502
Chuyển lỗ năm trước	(5.391.629.304)	(3.543.911.502)
Tổng lợi nhuận tính thuế	6.453.680.127	-
Thuế suất thuế TNDN	22%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.419.809.628	-

31 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	22%	22%
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	255.791.855	-
	255.791.855	-

b) Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(255.791.855)	-
	(255.791.855)	-

Handwritten signature

32 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	9.126.203.704	3.595.765.689
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	9.126.203.704	3.595.765.689
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	4.724.705	4.724.705
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.932	761

Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông của Công ty để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2014 bao gồm cả số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Năm 2015, theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC, số dự tính phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi được loại ra khi tính Lãi cơ bản trên cổ phiếu. Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

33 . LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	9.126.203.704	3.595.765.689
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	9.126.203.704	3.595.765.689
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	4.724.705	4.724.705
Cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm (*)	3.000.000	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.181	761

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

(*) Theo Nghị quyết số 12/NQ-HĐQT ngày 22/09/2015, Hội đồng Quản trị Công ty thông qua việc tiếp tục triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 thông qua tại Nghị quyết số 01/NQ-DHCD2014 ngày 28/06/2014, số lượng cổ phần chào bán 3.000.000 cổ phần (giá phát hành 10.000 đồng/cổ phần); Đối tượng chào bán: dưới 100 nhà đầu tư được lựa chọn theo tiêu chí được xác định, không kể nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp.

34 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	21.273.860.307	23.082.963.036
Chi phí nhân công	15.704.175.182	17.048.419.343
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.085.700.763	4.939.943.331
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.391.792.861	23.673.550.796
Chi phí khác bằng tiền	5.903.084.339	3.329.969.580
	66.358.613.452	72.074.846.086

June

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.735.540.316	-	-	2.735.540.316
Phải thu khách hàng, phải thu khác	2.867.520.881	2.024.160.000	-	4.891.680.881
Đầu tư dài hạn	-	-	22.310.000	22.310.000
	5.603.061.197	2.024.160.000	22.310.000	7.649.531.197
Tại ngày 01/01/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.165.761.720	-	-	2.165.761.720
Phải thu khách hàng, phải thu khác	3.358.039.838	722.020.000	-	4.080.059.838
Đầu tư dài hạn	-	-	22.310.000	22.310.000
	5.523.801.558	722.020.000	22.310.000	6.268.131.558

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2015				
Vay và nợ	3.959.680.000	10.516.174.062	-	14.475.854.062
Phải trả người bán, phải trả khác	2.544.003.306	574.000.000	-	3.118.003.306
Chi phí phải trả	144.500.000	-	-	144.500.000
	6.648.183.306	11.090.174.062	-	17.738.357.368
Tại ngày 01/01/2015				
Vay và nợ	4.891.438.000	14.475.854.062	-	19.367.292.062
Phải trả người bán, phải trả khác	1.750.572.797	11.077.000.000	-	12.827.572.797
Chi phí phải trả	275.470.296	-	-	275.470.296
	6.917.481.093	25.552.854.062	-	32.470.335.155

Thưc

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

36 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

a) Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	-	25.132.451.480
Tiền thu từ đi vay các cá nhân	3.000.000.000	-

d) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	4.891.438.000	32.534.221.480
Tiền trả nợ gốc vay cá nhân	3.000.000.000	-

39 . THÔNG TIN KHÁC

- Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 06/NQ-HĐQT/DLC ngày 27/05/2015, Công ty thành lập thêm chi nhánh trực thuộc với tên "Khách sạn Hoa Phượng" tại số 12-14-16 Trần Phú, Phường Cái Khế, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.

- Thông tin liên quan đến Dự án Khu du lịch Hoa Sứ (tên gọi khác của dự án Trung tâm Du lịch dã ngoại cồn Cái Khế):

Theo Quyết định số 647/QĐ-UBND ngày 08/03/2010, UBND Thành phố Cần Thơ đã phê duyệt cho Cty Cổ phần Du lịch Cần Thơ xây dựng Khu du lịch cồn Cái Khế với diện tích 7,93ha bao gồm 05 khu: Khu khách sạn nhà nghỉ vườn (khu A), khu khách sạn hội nghị 5 sao (khu B), khu trung tâm tiệc cưới (khu C), khu sinh hoạt lễ hội (khu D) và khu kỹ thuật (khu E). Hiện tại, dự án đang triển khai các thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có đất nằm trong diện tích đất dự án.

Theo Công văn 1241/TTPTQĐ-KTKĐ ngày 27/11/2015 về giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Trung tâm Du lịch dã ngoại cồn Cái Khế của Trung tâm Phát triển quỹ đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Cần Thơ, tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân ảnh hưởng là 99.282.896.000 đồng.

Theo Thông báo số 3256/TB-SKHĐT-KT ngày 04/12/2015 về việc ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án Trung tâm Du lịch dã ngoại cồn Cái Khế của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ, Công ty phải thực hiện ký quỹ là 5% trên giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tương ứng là 4.964.144.800 đồng. Trong năm, Công ty đã nộp một phần tiền ký quỹ theo công văn này là 1.000.000.000 đồng.

40 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

Handwritten signature

Công ty Cổ phần Du lịch Cần Thơ

Số 50 Hai Bà Trưng, Phường Tân An, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ

Báo cáo tài chính

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

41 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh:

	Kinh doanh nhà hàng VND	Kinh doanh khách sạn VND	Kinh doanh dịch vụ khác VND	Tổng cộng các bộ phận VND	Loại trừ VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	54.007.183.658	12.219.041.003	18.707.672.880	84.933.897.541	-	84.933.897.541
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	8.863.797.911	1.607.250.567	7.028.179.309	17.499.227.787	-	17.499.227.787
Tổng chi phí mua TSCĐ	1.455.578.764	372.885.845	-	1.828.464.609	-	1.828.464.609
Tài sản bộ phận	14.103.642.352	32.000.643.335	3.062.675.815	49.166.961.502	-	49.166.961.502
Tài sản không phân bổ	-	-	-	29.009.727.783	-	29.009.727.783
Tổng tài sản	14.103.642.352	32.000.643.335	3.062.675.815	78.176.689.285	-	78.176.689.285
Nợ phải trả bộ phận	2.227.503.207	245.263.341	847.520.866	3.320.287.414	-	3.320.287.414
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	20.852.900.598	-	20.852.900.598
Tổng nợ phải trả	2.227.503.207	245.263.341	847.520.866	24.173.188.012	-	24.173.188.012

Theo khu vực địa lý:

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Đức

42 . NGHIỆP VỤ VÀ SỔ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có giao dịch phát sinh và sổ dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Cổ tức, lợi nhuận nhận được			
- Công ty TNHH Du lịch Thương mại Sài Gòn - Cần Thơ	Công ty liên doanh	295.000.000	295.000.000
Vay vốn			
- Bà Phạm Thị Thanh Hương	Thành viên HĐQT	3.000.000.000	-

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	810.597.040	1.109.716.799

43 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C kiểm toán. Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp với Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp để so sánh với số liệu năm nay.

105
NH
GT
KI
AAS
TP. H

Handwritten signature

Công ty Cổ phần Du lịch Cần Thơ

Số 50 Hai Bà Trưng, Phường Tân An, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014		Số liệu điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC	
Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Thay đổi
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
131	Phải thu của khách hàng	2.845.508.929	2.845.508.929
132	Trả trước cho người bán	2.337.626.433	2.337.626.433
135	Các khoản phải thu khác	268.223.003	757.105.082
158	Tài sản ngắn hạn khác	998.870.168	509.988.089
218	Phải thu dài hạn khác	-	-
268	Tài sản dài hạn khác	722.020.000	722.020.000
311	Vay và nợ ngắn hạn	4.891.438.000	4.891.438.000
312	Phải trả người bán	1.339.287.375	1.339.287.375
313	Người mua trả tiền trước	478.927.634	478.927.634
316	Chi phí phải trả	275.470.296	275.470.296
319	Các khoản phải trả, phải nộp khác	411.285.422	411.285.422
334	Vay và nợ dài hạn	14.475.854.062	14.475.854.062
411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	47.800.800.000	47.800.800.000
417	Quỹ đầu tư phát triển	3.056.525.408	47.800.800.000
418	Quỹ dự phòng tài chính	661.377.898	3.717.903.306
420	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(5.385.427.801)	(5.385.427.801)
421	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(5.385.427.801)	(5.385.427.801)
421a	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối kỳ trước	(8.684.083.990)	(8.684.083.990)
421b	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	3.298.656.189	3.298.656.189



Handwritten signature

Công ty Cổ phần Du lịch Cần Thơ

Số 50 Hai Bà Trưng, Phường Tân An, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ

Báo cáo tài chính

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Số liệu điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC

Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Thay đổi
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH						
31	Thu nhập khác	1.796.270.055	31	Thu nhập khác	578.947.542	(1.217.322.513)
32	Chi phí khác	1.325.269.757	32	Chi phí khác	107.947.244	(1.217.322.513)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Thu nhập khác
- Thu nhập từ thanh lý tài sản
Chi phí khác
- Chi phí thanh lý tài sản

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Thu nhập khác
- Thu nhập từ thanh lý tài sản
Chi phí khác
- Chi phí thanh lý tài sản

Người lập biểu

(Signature)

Ngô Ngọc Liên

Kế toán trưởng

(Signature)

Trần Hà Giang



Vưu Chấn Hùng

